

Số: **05** /2022/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **03** tháng **3** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã,
phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2022, thay thế Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tổng Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

**Tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2022/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức cấp xã) trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Quy định này không áp dụng đối với Trưởng Công an xã là công an chính quy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều 3, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ (trừ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy định này).

Chương II TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ Mục 1 TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP XÃ

Điều 3. Tiêu chuẩn chung đối với cán bộ

1. Cán bộ cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

2. Tuổi giới thiệu ứng cử: Cán bộ được giới thiệu ứng cử lần đầu phải đủ tuổi để công tác ít nhất phải trọn một nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ

1. Tiêu chuẩn Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy

a) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông.

b) Lý luận chính trị: Tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên.

c) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên. Trường hợp cán bộ là người dân tộc thiểu số công tác tại các xã: Miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tốt nghiệp trung cấp trở lên. Đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên (trường hợp cán bộ giữ chức vụ lần đầu mà chưa qua lớp bồi dưỡng thì sau khi giữ chức vụ phải được cử đi bồi dưỡng).

2. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

a) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông.

b) Lý luận chính trị: Có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

c) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên. Trường hợp cán bộ là người dân tộc thiểu số công tác tại các xã: Miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tốt nghiệp trung cấp trở lên. Đã qua lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên (trường hợp cán bộ giữ chức vụ lần đầu mà chưa qua lớp bồi dưỡng thì sau khi giữ chức vụ phải được cử đi bồi dưỡng). Đối với Chủ tịch Hội đồng nhân dân sau khi giữ chức vụ phải được bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

3. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

a) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông.

b) Lý luận chính trị: Có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

c) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên. Trường hợp cán bộ là người dân tộc thiểu số công tác tại các xã: Miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tốt nghiệp trung cấp trở lên. Đã qua lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên (trường hợp cán bộ giữ chức vụ lần đầu mà chưa qua lớp bồi dưỡng thì sau khi giữ chức vụ phải được cử đi bồi dưỡng). Đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân sau khi giữ chức vụ phải được bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

4. Tiêu chuẩn Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

a) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông.

b) Lý luận chính trị: Có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên. Đối với trường hợp giữ chức vụ lần đầu và chưa giữ chức vụ khác tương đương thì có trình độ lý luận sơ cấp, sau khi giữ chức vụ phải được cử đi đào tạo trung cấp lý luận chính trị.

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp trung cấp trở lên.

Mục 2

TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 5. Tiêu chuẩn chung công chức cấp xã

Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (trừ chức danh Trưởng Công an xã).

Điều 6. Tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức

1. Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên.

2. Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên (đối với phường, thị trấn, xã khu vực I, xã khu vực II thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) và Trung cấp trở lên (đối với xã còn lại) của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức đảm nhận theo quy định tại khoản 4 Điều này. Riêng đối với Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã có trình độ từ trung cấp trở lên; công chức Tư pháp - Hộ tịch có trình độ từ trung cấp trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ Hộ tịch (đối với các trường hợp tuyển dụng mới, sau khi được tuyển dụng phải cử đi bồi dưỡng nghiệp vụ Hộ tịch).

4. Quy định về chuyên ngành đào tạo của công chức cấp xã

a) Đối với chức danh Văn phòng - Thống kê: Các ngành, chuyên ngành về Luật, Kinh tế, Hành chính, Quản trị văn phòng, Thống kê, Quản lý nhà nước.

b) Đối với chức danh Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn): Các ngành, chuyên ngành về Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kiến trúc, Kiến trúc đô thị, Kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai. Đối với chức danh Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã): Các ngành, chuyên ngành về Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Phát triển nông thôn, Nông học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai và chuyên ngành Nông nghiệp.

c) Đối với chức danh Tài chính - kế toán: Các ngành, chuyên ngành về Kế toán, Kiểm toán.

d) Đối với chức danh Tư pháp - Hộ tịch: Các ngành, chuyên ngành về Luật, Pháp lý.

đ) Đối với chức danh Văn hóa - Xã hội: Các ngành, chuyên ngành về Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Công tác xã hội.

e) Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: Ngành, chuyên ngành quân sự cơ sở.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với cán bộ, công chức được bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, tiếp nhận trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành mà chưa đạt trình độ theo Quy định này thì Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành cán bộ, công chức phải đáp ứng theo quy định này. Trường hợp không đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo Quy định này thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

2. Chuyên ngành đào tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy định này không áp dụng đối với công chức được tuyển dụng, điều động, luân chuyển, tiếp nhận, bổ nhiệm trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển công chức cấp xã đã được phê duyệt kế hoạch tuyển dụng trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành. Công chức cấp xã sau khi được tuyển dụng chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 Quy định này thì phải hoàn thiện theo quy định tại khoản 1 điều này.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, thanh tra, kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy định này./.
